TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 87/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 9 - 2022
V/v ly hôn giữa chị L và anh L2

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Tiến

Ông Trần Xuân Chỉnh

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Thùy L – Sinh năm 1988 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Thôn T (xóm 30 cũ), xã Đ, huyện T, tỉnh Nam Định

Địa chỉ: Xóm 24, xã Đ, huyện T, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L2 – Sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T (xóm 30 cũ), xã Đ, huyện T, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2022 và bản tự khai ngày 20 tháng 7 năm 2022, nguyên đơn chị Đinh Thị Thùy L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L2 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 5 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, bản thân chị và các con ốm đau anh L2 không quan tâm, chăm sóc, vấn đề này đã được chị và người thân khuyên giải nhưng anh L2 không thay đổi. Từ năm 2020 chị và anh L2 đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể

tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn L2.

Về nuôi con chung: Giữa chị và anh L2 có 03 con chung là Nguyễn P, sinh ngày 17/11/2009; Nguyễn T, sinh ngày 03/8/2012 và Nguyễn H, sinh ngày 19/10/2016, các con đang ở với chị. Khi vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi các con, hiện nay chị đang làm công nhân tại công ty Santalon ở khu công nghiệp Hòa Xá, thành phố Nam Đinh thu nhập hằng tháng 12 triệu đồng không đủ điều kiện nuôi con nên chị yêu cầu anh L2 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị nuôi mỗi con 1,5 triệu đồng 01 tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L2 đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại địa phương thể hiện: Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1976 kết hôn với chị Đinh Thị Thùy L, sinh năm 1988 vào ngày 11/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Hiện anh L2 và chị L vẫn có hộ khẩu thường trú tại: Thôn T (xóm 30 cũ), xã Đ, huyện T, tỉnh Nam Định, nhưng anh L2 đi làm thường xuyên vắng nhà, nên các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh L2 không thể thực hiện việc tống đạt trực tiếp được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng; phía bị đơn đã được Tòa án tống đạt (niêm yết) các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Thùy L và anh Nguyễn Văn L2.

- Về con chung: Giao các cháu Nguyễn P, sinh ngày 17/11/2009; Nguyễn T, sinh ngày 03/8/2012 và cháu Nguyễn H, sinh ngày 19/10/2016 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn L2 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L 1.500.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi con chung đủ 18 tuổi,

- Về án phí DSST: Chị Đinh Thị Thùy L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn; Anh Nguyễn Văn L2 phải nộp 300.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đinh Thị Thùy L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Anh Nguyễn Văn L2 đã được Tòa án niêm yết công khai giấy triệu tập phiên tòa 02 lần hợp lệ theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ 2 anh L2 vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Thùy L và anh Nguyễn Văn L2 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 11/5/2009, nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống theo chị L trình bày thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, anh L2 không có quan tâm trách nhiệm gì dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách. Từ năm 2020 anh chị đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh L2 được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn. Anh Nguyễn Văn L2 đã được Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng anh không đến Tòa làm việc, cũng không có văn bản trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị L.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị L và anh L2 không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn L2 của chị Đinh Thị Thùy L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh L2 có 03 con chung Nguyễn P, sinh ngày 17/11/2009; Nguyễn T, sinh ngày 03/8/2012 và Nguyễn H, sinh ngày 19/10/2016, các con đang ở với chị L.

Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, đề nghị của đương sự, nguyện vọng của các con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án anh L2 vắng mặt không có ý kiến gì về việc nuôi con chung; chị L có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi các con chung, phù hợp với nguyện vọng của các con (cháu P và T đều có ý kiến các cháu đang ở cùng mẹ, được mẹ chăm sóc rất tốt. Nếu bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ) là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L yêu cầu anh L2 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị nuôi mỗi con 1,5 triệu đồng 01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh L2 vắng mặt không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX thấy: Hiện nay chị L đang làm công nhân tại khu công nghiệp Hòa Xá, thành phố Nam Định có thu nhập ổn định mỗi tháng 12 triệu đồng, tuy nhiên để nuôi 03 con chung thì không đảm bảo cho cuộc sống sinh hoạt và học tập chung của chị và các con. Do vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 82; các Điều 110, 116 luật Hôn nhân và gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu của chị L buộc anh Nguyễn Văn L2 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị L nuôi mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng xét xử sơ thẩm (tháng 9/2022) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự lập được. Anh L2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết, anh L2 không có ý kiến gì về việc giải quyết tài sản nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí DSST: Chị Đinh Thị Thùy L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Văn L2 phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Thùy L và anh Nguyễn Văn L2.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao các con chung là Nguyễn P, sinh ngày 17/11/2009; Nguyễn T, sinh ngày 03/8/2012 và Nguyễn H, sinh ngày 19/10/2016 cho chị Đinh Thị Thùy L tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng;

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của chị L buộc anh Nguyễn Văn L2 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị L nuôi mỗi con là 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng) 01 tháng kể từ tháng 09/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự lập được.

Anh L2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị Thùy L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai số 0004645, ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Nam Định

Anh Nguyễn Văn L2 phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Ánh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS.